

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 230 /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 754/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Công văn số 10070/SNNMT-KSBHĐ ngày 28/11/2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Công Thương; Thủ trưởng các ban, ngành: Bộ chỉ huy Quân sự thành phố, Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố, Công an thành phố, Thanh tra thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND cấp xã có biển;
- Báo và phát thanh truyền hình Hải Phòng;
- Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Các phòng: XDCT, TC, NVKTGS;
- Lưu: VT, NNMT, Đ.D.Quỳnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân



QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 230 /2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết điểm b khoản 1 điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo về nội dung và trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BỜ BIỂN

Điều 3. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

- Quyết định phê duyệt và công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.
- Quyết định phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.
- Quyết định phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.
- Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Hải Phòng.
- Sơ đồ vị trí mốc giới và bảng thống kê các vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 4. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Điều 5. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Yêu cầu của mốc giới, quy cách mốc giới thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới có trách nhiệm phối hợp thực hiện và giám sát tại địa bàn.

Điều 6. Lưu giữ, bảo quản, cung cấp, khai thác hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển là tập hợp các tài liệu pháp lý, kỹ thuật và bản đồ thể hiện đầy đủ thông tin về ranh giới, vị trí, quy mô, đặc điểm của hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Hồ sơ gốc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Hồ sơ bản giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại điều 3 của Quy định này.

3. Cung cấp, khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

Việc cung cấp, khai thác thông tin dữ liệu từ hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Phối hợp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển

1. Phối hợp trong công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch liên quan hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển trên địa bàn thành phố tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

b) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

2. Phối hợp trong cấm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; cơ quan Nhà nước quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển tham gia các nội dung liên quan trong cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Khi các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu phối hợp trong việc bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển và xử lý các nội dung liên quan hành lang bảo vệ bờ biển; Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, xử lý thông tin, tổ chức giải quyết theo thẩm quyền.

c) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không phối hợp hoặc cản trở việc cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của cơ quan có thẩm quyền, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên môi trường và pháp luật có liên quan.

Chương III **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ,** **BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN**

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì thực hiện việc thiết lập, công bố hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP; quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 và Quy định này.

b) Lưu trữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển cho các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có biển để quản lý, sử dụng.



c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

d) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có biển: tổ chức tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; rà soát hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng đảm bảo theo hồ sơ lưu trữ.

đ) Thực hiện việc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển

1. Thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển được quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và khoản 2 Điều 34 Nghị định số 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Niêm yết công khai Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã có biển.

3. Tổ chức bảo vệ, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Thực hiện việc báo cáo công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Quy định này.

2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển, có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; phát huy vai trò giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện các quy định pháp luật tại địa phương..

3. Việc khai thác, sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đảm bảo không vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này và quy định pháp luật liên quan.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có biển và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai quy định này; trong quá trình thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tháo gỡ.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới./.

